

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số:...../2023/QH15

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO 3

LUẬT
QUẢN LÝ, BẢO VỆ CÔNG TRÌNH QUỐC PHÒNG VÀ KHU QUÂN SỰ

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; chế độ, chính sách; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân liên quan đến hoạt động quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công trình quốc phòng là các kiến trúc, vật thể, địa hình, địa vật tự nhiên sẵn có hoặc được xây dựng, cải tạo để phục vụ cho các hoạt động quân sự, quốc phòng, phòng thủ bảo vệ Tổ quốc.

2. Khu quân sự là khu vực được giới hạn bởi ranh giới xác định trên mặt đất, trong lòng đất, trên mặt nước, dưới mặt nước, trên không được thiết lập, xác định chuyên dùng cho mục đích quân sự.

3. Hệ thống anten quân sự là tổ hợp đồng bộ các trang thiết bị anten dùng để bức xạ hoặc thu sóng điện từ trong không gian phục vụ cho nhiệm vụ quân sự, quốc phòng.

4. Phạm vi bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự bao gồm khu vực cấm, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn, hành lang an toàn kỹ thuật hệ thống anten quân sự. Phạm vi bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự có thể bao

gồm đầy đủ khu vực cấm, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn, hành lang an toàn kỹ thuật hệ thống anten quân sự; hoặc chỉ có khu vực cấm; hoặc chỉ có khu vực cấm và khu vực bảo vệ; hoặc chỉ có khu vực cấm và vành đai an toàn.

5. *Khu vực cấm* là khu vực được giới hạn bởi ranh giới xác định xung quanh công trình quốc phòng và khu quân sự; được thiết lập để quản lý, bảo vệ, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động của người, phương tiện nhằm bảo đảm an ninh, an toàn và phòng, chống các hành vi xâm nhập, phá hoại, thu thập bí mật nhà nước, bí mật quân sự.

6. *Khu vực bảo vệ* là khu vực được giới hạn bởi ranh giới xác định trên mặt đất, trong lòng đất, trên mặt nước, dưới mặt nước, trên không bao quanh phía ngoài khu vực cấm được thiết lập nhằm bảo vệ an toàn, bí mật cho công trình quốc phòng và khu quân sự.

7. *Vành đai an toàn* là khu vực được giới hạn bởi ranh giới xác định bao quanh phía ngoài khu vực cấm, khu vực bảo vệ được thiết lập theo yêu cầu quản lý, bảo vệ để bảo đảm an ninh, an toàn cho công trình quốc phòng và khu quân sự.

8. *Kho đạn dược* là nơi sản xuất và dự trữ đạn dược, vật liệu nổ của Quân đội nhân dân Việt Nam, gồm kho đạn dược, kho vật liệu nổ, nhà máy, xí nghiệp sản xuất đạn dược, vật liệu nổ.

9. *Vành đai an toàn kho đạn dược* là khu vực bao quanh kho đạn dược, gồm trên mặt đất, trong lòng đất, trên không nằm giữa giới hạn trong (là tường rào hoặc hàng rào khép kín khu vực các nhà kho thuộc kho đạn dược) và giới hạn ngoài là một đường khép kín tập hợp bởi các điểm ngoài cùng với khoảng cách bằng bán kính an toàn để bảo đảm an toàn cho người và các công trình kinh tế dân sinh trên mặt đất hoặc trong lòng đất trong trường hợp kho đạn dược xảy ra sự cố cháy, nổ.

10. *Bán kính an toàn kho đạn dược* là khoảng cách nhỏ nhất tính từ giới hạn trong của vành đai an toàn kho đạn dược trở ra xung quanh, được xác định để bảo đảm an toàn cho người và các công trình kinh tế dân sinh trên mặt đất hoặc trong lòng đất trong trường hợp kho đạn dược xảy ra sự cố cháy, nổ.

11. *Hành lang an toàn kỹ thuật của hệ thống anten quân sự* là khu vực trên mặt đất, mặt nước, dưới mặt nước, trên không và trong lòng đất được xác định từ mép ngoài hệ thống anten quân sự (là một đường khép kín tập hợp bởi các điểm ngoài cùng của hệ thống anten quân sự) trở ra xung quanh đến giới hạn để bảo đảm tính năng hoạt động bình thường của hệ thống anten quân sự.

12. *Biện pháp bảo vệ* là phương pháp, cách thức mà lực lượng bảo vệ được áp dụng để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn hành vi của con người và các yếu tố

khác xâm hại đến bí mật, an toàn của công trình quốc phòng và khu quân sự.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

2. Kết hợp chặt chẽ giữa yêu cầu quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự với yêu cầu xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội; phải gắn liền với việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, khoáng sản, môi trường, di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh.

3. Thống nhất theo quy hoạch, kế hoạch được phê duyệt, bảo đảm đúng mục đích, có hiệu quả theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

4. Bảo đảm bí mật, an toàn và duy trì tuổi thọ, công năng sử dụng cho từng công trình theo yêu cầu thiết kế; quản lý chặt chẽ đất quốc phòng, các thiết bị, vật tư chuyên dùng của công trình quốc phòng và khu quân sự theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và pháp luật có liên quan.

5. Phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; thỏa thuận giữa Việt Nam và các nước láng giềng về quản lý biên giới.

6. Mọi hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự được xử lý theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc pháp luật về hình sự.

Điều 4. Chính sách của Nhà nước trong quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự

1. Nhà nước có chính sách đầu tư cho quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự bảo đảm khả năng phòng thủ của đất nước, ưu tiên trên các địa bàn chiến lược, trọng yếu.

2. Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động và đảm bảo chế độ chính sách cho các lực lượng quản lý, bảo vệ công trình quân sự và khu quân sự.

3. Nhà nước có cơ chế, chính sách và biện pháp phù hợp với những đối tượng bị tác động, ảnh hưởng do yêu cầu quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Điều 5. Phân loại, phân nhóm công trình quốc phòng và khu quân sự

1. Phân loại theo chức năng nhiệm vụ, mục đích sử dụng, bao gồm:

a) Loại A, phục vụ nhiệm vụ tác chiến phòng thủ bảo vệ Tổ quốc;

b) Loại B, phục vụ nhiệm vụ huấn luyện, diễn tập của lực lượng quân đội và dân quân tự vệ;

c) Loại C, phục vụ nghiên cứu, thử nghiệm, sản xuất, cất trữ, sửa chữa, tiêu hủy vũ khí, trang bị của quân đội và các sản phẩm quốc phòng;

d) Loại D, phục vụ sinh hoạt, học tập, làm việc thường xuyên của quân đội;

e) Công trình quốc phòng, khu quân sự phục vụ nhiều mục đích khác nhau được xếp loại theo mục đích sử dụng chính.

2. Phân nhóm theo tính chất quan trọng, yêu cầu quản lý, bảo vệ, quy mô, mức độ kiên cố, bao gồm:

a) Nhóm đặc biệt: Các công trình quốc phòng, khu quân sự đặc biệt quan trọng; phục vụ nhiệm vụ chiến lược quốc phòng, bảo đảm cho cơ quan, đơn vị cấp chiến lược của Bộ Quốc phòng và Trung ương hoặc có ý nghĩa quyết định bảo vệ lực lượng, phương tiện trong tác chiến phòng thủ bảo vệ Tổ quốc;

b) Nhóm I: Các công trình quốc phòng, khu quân sự rất quan trọng; phục vụ nhiệm vụ quân sự, quốc phòng của các cơ quan, đơn vị cấp chiến dịch; công trình sơ tán thời chiến của các bộ, ngành;

c) Nhóm II: Các công trình quốc phòng, khu quân sự quan trọng phục vụ nhiệm vụ quân sự, quốc phòng của các cơ quan, đơn vị cấp chiến thuật;

d) Nhóm III: Các công trình quốc phòng, khu quân sự còn lại phục vụ nhiệm vụ quân sự, quốc phòng của các cơ quan, đơn vị cấp chiến thuật; các thành cổ, pháo đài cổ, hầm, hào, lô cốt do chế độ cũ xây dựng.

3. Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục loại, nhóm công trình quốc phòng, khu quân sự theo quy định của Điều này.

Điều 6. Sơ kết, tổng kết công tác quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự

1. Sơ kết, tổng kết được tiến hành theo định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm trong thực hiện công tác quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

2. Sơ kết thực hiện ở các đơn vị, các cấp quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự theo yêu cầu nhiệm vụ và quyết định của chỉ huy đơn vị.

3. Hằng năm, đơn vị được giao quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự báo cáo tình hình và kết quả thực hiện quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự với cơ quan cấp trên và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

4. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan thực hiện tổng kết theo định kỳ 5 năm một lần; tổng hợp kết quả báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 7. Những hành vi bị nghiêm cấm

1. Xâm nhập trái phép; phá hoại, làm hư hỏng; chiếm đoạt, làm lộ, thu thập bí mật kiến trúc, kết cấu, trang thiết bị, tài liệu của công trình quốc phòng và khu quân sự.

2. Chiếm đoạt, chiếm giữ, sử dụng trái phép, sử dụng sai mục đích công trình quốc phòng và khu quân sự.

3. Cản trở, chống đối việc thực hiện nhiệm vụ của lực lượng quản lý, bảo vệ hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia công tác quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

4. Chuyển đổi mục đích sử dụng, phá dỡ, di dời công trình quốc phòng và khu quân sự trái quy định của pháp luật.

5. Lợi dụng việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự để xâm hại lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

6. Các hành vi khác xâm hại đến an ninh, an toàn của công trình quốc phòng và khu quân sự.

Chương II

QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH QUỐC PHÒNG VÀ KHU QUÂN SỰ

Điều 8. Nội dung quản lý công trình quốc phòng và khu quân sự

1. Lập hồ sơ quản lý công trình quốc phòng và khu quân sự.
2. Sử dụng, bảo quản, bảo trì công trình quốc phòng và khu quân sự.
3. Chuyển đổi mục đích sử dụng công trình quốc phòng và khu quân sự.
4. Phá dỡ, di dời công trình quốc phòng và khu quân sự.
5. Thống kê, kiểm kê công trình quốc phòng và khu quân sự.

Điều 9. Lập hồ sơ quản lý công trình quốc phòng và khu quân sự

1. Thành phần hồ sơ quản lý công trình quốc phòng, khu quân sự, bao gồm:
 - a) Bản đồ xác định vị trí;
 - b) Bản đồ địa chính hoặc sơ đồ xác định phạm vi sử dụng đất, mặt nước kèm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

c) Bản đồ, sơ đồ, văn bản xác định mốc giới khu vực cấm, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn, hành lang an toàn kỹ thuật;

d) Hồ sơ thiết kế, hoàn công, bảo quản, bảo trì công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật có liên quan; đối với các thành cổ, pháo đài cổ, hầm, hào, lô cốt do chế độ cũ xây dựng không có hồ sơ thiết kế, hoàn công thì lập bản vẽ sơ đồ hiện trạng.

2. Trách nhiệm lập hồ sơ quản lý công trình quốc phòng, khu quân sự

a) Chủ đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan lập hồ sơ quản lý đối với công trình quốc phòng, khu quân sự đầu tư xây dựng, thiết lập mới;

b) Đơn vị được giao quản lý chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan lập hồ sơ quản lý đối với công trình quốc phòng, khu quân sự không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

3. Hồ sơ được xác định độ mật phù hợp với từng loại, nhóm công trình quốc phòng và khu quân sự và lưu trữ, quản lý sử dụng theo quy định của Luật này và pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

4. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định việc lập, lưu trữ, quản lý, sử dụng hồ sơ theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 10. Sử dụng, bảo quản, bảo trì công trình quốc phòng và khu quân sự

1. Công trình quốc phòng, khu quân sự được quản lý, sử dụng phù hợp với từng loại, nhóm theo kế hoạch do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Công trình quốc phòng phục vụ nhiệm vụ tác chiến phòng thủ trong thời bình phải được bảo quản, bảo trì thường xuyên hoặc niêm cất, lắp phủ; khi có yêu cầu nhiệm vụ thì tiến hành mở niêm cất, lắp phủ.

3. Công trình quốc phòng được bảo quản, bảo trì thường xuyên và định kỳ để duy trì khả năng sử dụng theo công năng, nhiệm vụ và bảo đảm tuổi thọ.

a) Đơn vị quản lý, sử dụng công trình quốc phòng có trách nhiệm bảo quản, bảo trì công trình;

b) Việc bảo quản, bảo trì công trình thực hiện theo kế hoạch và quy trình bảo trì phù hợp với mục đích sử dụng, loại, nhóm công trình quốc phòng, trang thiết bị được lắp đặt trong công trình;

c) Bảo quản, bảo trì công trình phải bảo đảm an toàn đối với con người, công trình quốc phòng và trang thiết bị lắp đặt trong công trình.

4. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết Điều này.

Điều 11. Chuyển đổi mục đích sử dụng công trình quốc phòng và khu quân sự

1. Nguyên tắc

a) Không ảnh hưởng đến nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, bảo đảm bí mật nhà nước về công trình quốc phòng;

b) Chuyển đổi mục đích sử dụng khu quân sự phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Thực hiện bồi thường, hỗ trợ theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

2. Các trường hợp công trình quốc phòng và khu quân sự được chuyển đổi mục đích sử dụng, bao gồm:

a) Chuyển đổi mục đích sử dụng trong phạm vi Bộ Quốc phòng theo yêu cầu nhiệm vụ quân sự, quốc phòng;

b) Không còn nhu cầu sử dụng cho nhiệm vụ quân sự, quốc phòng cần chuyển đổi mục đích sử dụng để phát triển kinh tế - xã hội;

c) Nằm trong phạm vi ranh giới thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; cơ quan, tổ chức, chủ đầu tư thực hiện dự án có nhu cầu sử dụng; được Bộ Quốc phòng thống nhất bằng văn bản về chuyển đổi mục đích sử dụng trong quá trình phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

3. Công trình quốc phòng, khu quân sự chuyển đổi mục đích sử dụng theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều này thì cơ quan, tổ chức, chủ đầu tư thực hiện dự án phải thực hiện bồi thường, hỗ trợ theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan. Số tiền bồi thường, hỗ trợ được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước, sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến xử lý tài sản, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước để sử dụng xây dựng công trình mới. Kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ bao gồm:

a) Kinh phí để xây dựng công trình mới với quy mô tương đương công trình cũ được chuyển đổi mục đích;

b) Kinh phí bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất trong phạm vi chuyển đổi mục đích sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai và phương án bồi thường, hỗ trợ do ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định;

c) Các khoản chi phí bồi thường, hỗ trợ khác liên quan đến sử dụng đất để xây dựng công trình quốc phòng và khu quân sự ở vị trí mới theo quy định của pháp luật;

d) Chi phí có liên quan đến xử lý tài sản công phải được lập dự toán và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm: Chi phí kiểm kê, đo vẽ; chi phí di dời, phá dỡ, hủy bỏ, tiêu hủy; chi phí định giá và thẩm định giá tài sản; chi phí tổ chức bán đấu giá; chi phí hợp lý khác có liên quan.

4. Các trường hợp chuyển đổi mục đích sử dụng công trình quốc phòng và khu quân sự có gắn với chuyển mục đích sử dụng đất quốc phòng sang mục đích khác thì thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về đất đai, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

5. Chính phủ quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng công trình quốc phòng, khu quân sự.

Điều 12. Phá dỡ, di dời công trình quốc phòng và khu quân sự

1. Công trình quốc phòng và khu quân sự được phá dỡ, di dời trong các trường hợp:

a) Bị hư hỏng, xuống cấp nghiêm trọng ảnh hưởng đến an toàn trong quản lý, khai thác, sử dụng;

b) Được thiết lập, xây dựng tạm thời đã hoàn thành nhiệm vụ;

c) Nằm trong phạm vi ranh giới thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; việc phá dỡ, di dời không ảnh hưởng đến nhiệm vụ quốc phòng và được Bộ Quốc phòng thống nhất bằng văn bản trong quá trình phê duyệt chủ trương đầu tư dự án;

d) Là tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng nằm trên đất quốc phòng được chuyển mục đích sử dụng theo quyết định của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai mà không áp dụng được hình thức bán, thanh lý.

2. Thẩm quyền quyết định phá dỡ, di dời công trình quốc phòng và khu quân sự.

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định phá dỡ, di dời công trình quốc phòng và khu quân sự có liên quan đến chuyển đổi mục đích sử dụng đất quốc phòng sang mục đích khác;

b) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định phá dỡ, di dời công trình quốc phòng và khu quân sự ngoài các trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

3. Việc phá dỡ, di dời công trình quốc phòng, khu quân sự trong các trường hợp quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này thực hiện theo phương án kỹ thuật, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Kinh phí thực hiện phá dỡ công trình quốc phòng, khu quân sự quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này do ngân sách nhà nước bảo đảm; chi phí bồi thường, hỗ trợ khi phá dỡ, di dời công trình quốc phòng và khu quân sự trong các trường hợp quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này do cơ quan, tổ chức, chủ đầu tư thực hiện dự án chịu trách nhiệm chi trả theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Luật này.

5. Chính phủ quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục di dời, phá dỡ công trình quốc phòng và khu quân sự.

Điều 13. Thống kê, kiểm kê công trình quốc phòng và khu quân sự

1. Đơn vị được giao quản lý, sử dụng công trình quốc phòng và khu quân sự thực hiện thống kê, kiểm kê, tổng kiểm kê theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật có liên quan.

2. Thời điểm kiểm kê.

a) Kiểm kê được thực hiện vào cuối kỳ kế toán năm;

b) Tổng kiểm kê được thực hiện theo định kỳ 10 năm hoặc theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 14. Tổ chức quản lý công trình quốc phòng và khu quân sự

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giao đơn vị trong biên chế đảm nhiệm chuyên trách quản lý công trình quốc phòng, khu quân sự Nhóm đặc biệt và một số công trình quốc phòng thuộc Nhóm I.

2. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng trực tiếp sử dụng hoặc được giao có trách nhiệm quản lý công trình quốc phòng, khu quân sự các Nhóm I, II và III trừ các công trình theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức quản lý các công trình phòng tránh, sơ tán thời chiến của bộ, ngành, địa phương mình.

4. Tổ chức quản lý các công trình phòng tránh, sơ tán thời chiến của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

a) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng và ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có công trình thực hiện công tác quản lý công trình phòng tránh, sơ tán thời chiến của bộ, ngành mình;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý công trình phòng tránh, sơ tán thời chiến của địa phương.

Chương III**BẢO VỆ CÔNG TRÌNH QUỐC PHÒNG VÀ KHU QUÂN SỰ****Điều 15. Nội dung bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự**

1. Xác định phạm vi bảo vệ của công trình quốc phòng và khu quân sự.
2. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ, phòng chống các hành vi xâm hại đến an toàn, bí mật của công trình quốc phòng và khu quân sự; phòng chống thiên tai, hỏa hoạn.
3. Xây dựng đơn vị, địa bàn an toàn.

Điều 16. Xác định phạm vi bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự

1. Phạm vi khu vực cấm được xác định theo ranh giới sử dụng đất, mặt nước, khoảng không của công trình quốc phòng, khu quân sự và phần mở rộng thêm từ ranh giới đó ra xung quanh; phần mở rộng thêm được xác định theo từng loại, nhóm công trình quốc phòng, khu quân sự; yêu cầu quản lý bảo vệ và vị trí, điều kiện địa hình, dân cư nơi có công trình quốc phòng, khu quân sự. Phạm vi khu vực cấm được thể hiện trên sơ đồ, bản đồ và thực địa; có tường rào, hàng rào, hào ngăn cách hoặc cột mốc, biển báo, phao tiêu để xác định ranh giới.

2. Phạm vi khu vực bảo vệ được xác định từ ranh giới của khu vực cấm trở ra xung quanh một khoảng cách nhất định; được thể hiện trên sơ đồ, bản đồ và thực địa, có tường rào, hàng rào, hào ngăn cách hoặc cột mốc, biển báo, phao tiêu để xác định; việc xác định ranh giới khu vực bảo vệ căn cứ vào các yếu tố sau:

- a) Loại, nhóm công trình quốc phòng, khu quân sự;
- b) Yêu cầu quản lý, bảo vệ; tính năng chiến thuật, kỹ thuật của vũ khí trang bị bố trí, sử dụng trong công trình quốc phòng, khu quân sự;
- c) Vị trí, điều kiện địa hình, dân cư nơi có công trình quốc phòng và khu quân sự;

3. Phạm vi vành đai an toàn công trình quốc phòng, khu quân sự được tính từ ranh giới phía ngoài của khu vực bảo vệ hoặc khu vực cấm trở ra xung quanh với một khoảng cách nhất định; việc xác định phạm vi ranh giới của vành đai an toàn căn cứ vào các yếu tố sau:

- a) Theo từng loại, nhóm công trình quốc phòng và khu quân sự;
- b) Yêu cầu quản lý, bảo vệ.

4. Phạm vi vành đai an toàn kho đạn được xác định từ giới hạn trong trở ra xung quanh với một khoảng cách bằng bán kính an toàn; được thể hiện

trên sơ đồ, bản đồ và thực địa; có tường rào, hàng rào, hào ngăn cách hoặc cột mốc, biển báo, phao tiêu để xác định; việc thiết lập căn cứ vào các yếu tố sau:

a) Cấp kho đạn dược;

b) Số lượng, trữ lượng các loại đạn dược, vật liệu nổ cất chứa trong kho được tính toán, quy đổi ra đương lượng thuốc nổ TNT tương đương;

c) Bán kính an toàn và vị trí, điều kiện địa hình khu vực của kho đạn dược.

5. Phạm vi hành lang an toàn kỹ thuật hệ thống anten quân sự được xác định từ mép ngoài của hệ thống anten quân sự trở ra xung quanh một khoảng cách nhất định theo tính năng kỹ thuật của từng hệ thống anten quân sự.

Khoảng cách tối thiểu tính từ mép ngoài của bãi anten quân sự trở ra xung quanh cho phép các chướng ngại vật nằm trong hành lang an toàn kỹ thuật được xác định căn cứ theo tính năng kỹ thuật của từng hệ thống anten và đặc điểm của chướng ngại vật.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 17. Chế độ bảo vệ đối với khu vực cấm, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn, hành lang an toàn kỹ thuật hệ thống anten quân sự

1. Hoạt động trong khu vực cấm phải tuân thủ các quy định sau:

a) Chỉ có các hoạt động quân sự, quốc phòng phù hợp với công năng, nhiệm vụ của công trình quốc phòng, khu quân sự;

b) Người, phương tiện có nhiệm vụ và được cấp có thẩm quyền cho phép mới được ra vào khu vực cấm; phải mang theo giấy ra vào, giấy tờ cá nhân, giấy đăng ký của phương tiện hoặc văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền về nội dung công việc thực hiện; chỉ thực hiện những nội dung công việc đã được phê duyệt và chịu sự kiểm tra, hướng dẫn của lực lượng quản lý, bảo vệ;

c) Không được quay phim, chụp ảnh, ghi âm, điều tra, khảo sát, định vị, đo vẽ, ghi chép miêu tả, đăng tải, phát tán trên phương tiện thông tin đại chúng, mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông về công trình quốc phòng, khu quân sự; trừ trường hợp được phép của cấp có thẩm quyền;

d) Các phương tiện bay không được hoạt động; trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền cấp phép.

2. Trong khu vực bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự Nhóm đặc biệt chỉ được hoạt động canh tác nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp do các cá nhân, hộ gia đình thường trú trong phạm vi bảo vệ trên thực hiện nhưng không được làm biến dạng địa hình tự nhiên.

3. Trong khu vực bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự Nhóm I, II và III.

a) Không được thực hiện: thăm dò, khai thác tài nguyên khoáng sản, hoạt động du lịch; các dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài;

b) Các hoạt động chỉ được thực hiện khi cấp có thẩm quyền cho phép: Xây dựng công trình hạ tầng giao thông, thủy lợi, đê điều, phòng, chống thiên tai, viễn thông; công trình phục vụ phòng, chống cháy, nổ, cứu hộ, cứu nạn; nhà ở và công trình kinh tế, dân sinh; neo đậu các phương tiện vận chuyển; sử dụng các phương tiện bay trên không.

4. Trong phạm vi vành đai an toàn công trình quốc phòng và khu quân sự Nhóm đặc biệt.

a) Hoạt động đầu tư phát triển kinh tế - xã hội được thực hiện theo quy hoạch của địa phương, tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan. Hoạt động khai thác tài nguyên rừng, khoáng sản, vật liệu xây dựng, mở mới, mở rộng các điểm du lịch và các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội ảnh hưởng trực tiếp đến công tác bảo vệ bí mật, an toàn công trình quốc phòng và khu quân sự phải được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ Quốc phòng;

b) Các phương tiện bay không được hoạt động; trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền cấp phép;

c) Các dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phải được Thủ tướng Chính phủ quyết định.

5. Trong phạm vi vành đai an toàn công trình quốc phòng và khu quân sự Nhóm I, II và III, các hoạt động sau phải được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ Quốc phòng: Dự án phát triển du lịch; thăm dò, khai thác khoáng sản làm thay đổi, biến dạng địa hình tự nhiên khu vực; các dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

6. Trong vành đai an toàn kho đạn dược.

a) Không được thực hiện các hoạt động sau: Người, phương tiện không có trách nhiệm ra, vào; xây dựng nhà ở, công trình kinh tế, dân sinh; sử dụng lửa, vật liệu nổ, thiết bị, các vật liệu dễ gây cháy nổ, vật thể bay mang lửa; thăm dò, khai thác tài nguyên khoáng sản; neo đậu tàu, thuyền, các phương tiện vận chuyển; săn bắn, tham quan du lịch, quay phim, chụp ảnh, các hoạt động tập thể, trừ các hoạt động phòng, chống cháy, nổ, cứu hộ, cứu nạn;

b) Các hoạt động chỉ được thực hiện khi cấp có thẩm quyền cho phép: Xây dựng công trình phục vụ hoạt động trực tiếp của công trình quốc phòng, khu

quân sự và kho đạn dược; canh tác nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp; xây dựng các công trình phục vụ phòng, chống cháy, nổ, cứu hộ, cứu nạn; xây dựng công trình hạ tầng giao thông, thủy lợi, đê điều, phòng, chống thiên tai; trong phạm vi bán kính 500 mét tính từ giới hạn trong của vành đai an toàn kho đạn dược trở ra được xây dựng đường điện cao thế dưới 110 kV; sử dụng các phương tiện bay trên không;

c) Trường hợp đặc biệt cần sử dụng vùng đất, vùng nước, khoảng không vào các mục đích khác ngoài quy định tại điểm a và điểm b khoản này phải được phép của Thủ tướng Chính phủ.

7. Trong phạm vi hành lang an toàn kỹ thuật hệ thống anten quân sự.

a) Không được thực hiện các hoạt động sau:

Xây dựng nhà ở, các công trình kinh tế dân sinh vi phạm khoảng cách tối thiểu của các chướng ngại vật nằm trong hành lang an toàn kỹ thuật theo quy định của Chính phủ.

Thăm dò, khai thác tài nguyên khoáng sản; săn bắn, nổ mìn; tham quan, du lịch, quay phim, chụp ảnh, các hoạt động tập thể (trừ các hoạt động phòng, chống cháy, nổ, cứu hộ, cứu nạn) trong phạm vi cách mép ngoài bãi anten quân sự 500 mét.

b) Các phương tiện bay không được hoạt động; trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền cấp phép;

c) Được thực hiện các hoạt động:

Xây dựng công trình chống sét, phòng chống cháy, nổ, bảo đảm cho hoạt động của hệ thống anten quân sự theo yêu cầu kỹ thuật; canh tác nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp;

Xây dựng công trình viễn thông không có phát xạ sóng điện từ ra ngoài không gian;

Xây dựng các công trình thủy lợi, đê điều, phòng, chống thiên tai không vi phạm khoảng cách tối thiểu của các chướng ngại vật nằm trong hành lang an toàn kỹ thuật theo quy định của Chính phủ.

d) Việc sử dụng hành lang an toàn kỹ thuật của hệ thống anten quân sự vào mục đích khác ngoài quy định điểm a và điểm c khoản này phải được phép của Thủ tướng Chính phủ.

8. Người nước ngoài không được lưu trú, cư trú trong phạm vi bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; trừ trường hợp theo yêu cầu nhiệm vụ hợp tác quốc phòng do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định.

9. Chính phủ quy định chi tiết về thẩm quyền, trình tự thủ tục cho phép các hoạt động được thực hiện trong phạm vi bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự quy định tại Điều này.

Điều 18. Xử lý công trình, vật kiến trúc; quản lý, sử dụng đất, mặt nước trong phạm vi bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự

1. Trong phạm vi bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự, công trình, vật thể kiến trúc dân sự không thỏa mãn quy định tại Điều 17 Luật này phải thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc di dời, phá dỡ để bảo đảm an toàn cho công trình quốc phòng và khu quân sự.

a) Công trình, vật thể kiến trúc dân sự được xây dựng, lắp đặt hợp pháp thì chủ sở hữu được bồi thường, hỗ trợ khi chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc di dời, phá dỡ;

b) Công trình, vật thể kiến trúc dân sự xây dựng, lắp đặt bất hợp pháp bị buộc di dời, phá dỡ thì tổ chức, cá nhân vi phạm phải chịu mọi chi phí liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Quản lý sử dụng đất, mặt nước trong phạm vi bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

a) Trong khu vực cấm, diện tích sử dụng đất, mặt nước phải là đất sử dụng vào mục đích quốc phòng; trường hợp chưa phải là đất quốc phòng thì phải được thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng cho quốc phòng theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Trong phạm vi khu vực bảo vệ, vành đai an toàn kho đạn dược, hành lang an toàn kỹ thuật hệ thống anten quân sự tổ chức, hộ gia đình, cá nhân quản lý, sử dụng diện tích đất, mặt nước phải thực hiện theo quy định tại Điều 17 Luật này.

3. Việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các trường hợp bị thu hồi đất hoặc di dời, phá dỡ công trình quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan.

Điều 19. Lực lượng bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự

1. Lực lượng bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự bao gồm: Lực lượng của Bộ Quốc phòng; lực lượng của Bộ Công an phối hợp tham gia bảo vệ; lực lượng bảo vệ của cơ quan, tổ chức, địa phương được giao quản lý, sử dụng, bảo vệ công trình quốc phòng.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định thành phần, lực lượng bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trong biên chế, bao gồm:

a) Lực lượng chuyên trách bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự nhóm đặc biệt và một số công trình quốc phòng Nhóm I;

b) Lực lượng bảo vệ của đơn vị đóng quân trực tiếp quản lý, sử dụng công trình quốc phòng và khu quân sự;

c) Lực lượng quân sự địa phương và dân quân tự vệ bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự được giao quản lý, sử dụng trên địa bàn.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, địa phương không thuộc quy định tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm tổ chức lực lượng trong biên chế bảo vệ công trình quốc phòng được giao quản lý, sử dụng.

Trường hợp các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ không tổ chức được lực lượng bảo vệ công trình phòng tránh, sơ tán thời chiến của mình thì chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng báo cáo Thủ tướng Chính phủ giao ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có công trình bố trí lực lượng bảo vệ.

4. Tiêu chuẩn người làm công tác quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

a) Là công dân Việt Nam được biên chế trong cơ quan, đơn vị, tổ chức được nhà nước giao quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, lịch sử chính trị gia đình và bản thân trong sạch, rõ ràng; chấp hành nghiêm chính sách, pháp luật của Nhà nước;

c) Có sức khoẻ bảo đảm thực hiện nhiệm vụ;

d) Được huấn luyện, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhiệm vụ được giao.

Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự thuộc Bộ Quốc phòng

1. Nhiệm vụ.

a) Tổ chức thu thập thông tin, phân tích, đánh giá, dự báo tình hình; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, phương án bảo vệ an ninh, an toàn công trình quốc phòng và khu quân sự;

b) Thực hiện công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh ngăn chặn âm mưu, thủ đoạn, hoạt động thu thập thông tin trái phép, xâm phạm, phá hoại công trình quốc phòng và khu quân sự;

c) Tuần tra, canh gác, kiểm tra, kiểm soát người, phương tiện ra vào khu vực cấm, khu vực bảo vệ và thực hiện các hoạt động bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình

theo quy định của pháp luật;

d) Xây dựng đơn vị an toàn, phối hợp với chính quyền địa phương nơi có công trình quốc phòng và khu quân sự tổ chức xây dựng địa bàn an toàn;

đ) Chấp hành quy định của pháp luật về bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

2. Quyền hạn.

a) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến công tác bảo vệ; phối hợp, hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự khi cần thiết;

b) Được sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, an toàn công trình quốc phòng và khu quân sự theo quy định của Luật này và Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

c) Tạm giữ người, đồ vật mang theo, phương tiện ra, vào khu vực cấm, khu vực bảo vệ khi có căn cứ cho rằng người, đồ vật, phương tiện đó có nguy cơ gây nguy hại đến sự an toàn của công trình quốc phòng và khu quân sự;

d) Tạm đình chỉ hoặc đình chỉ việc sử dụng phương tiện thông tin liên lạc, tạm cấm đường để thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng và bảo đảm an toàn cho người, tài sản trong phạm vi bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự theo quyết định của người chỉ huy cấp trung, lữ đoàn và tương đương trở lên. Trường hợp do yêu cầu cấp bách thì người thực hiện nhiệm vụ có thể áp dụng các biện pháp này, nhưng ngay sau đó phải báo cáo cấp có thẩm quyền để ra quyết định bằng văn bản. Người ra quyết định phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình;

đ) Áp dụng các biện pháp bảo vệ cần thiết khác để bảo đảm an ninh, an toàn cho người, công trình quốc phòng và khu quân sự.

Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng thuộc Bộ Công an phối hợp tham gia bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự

1. Nhiệm vụ.

a) Chủ trì, phối hợp với lực lượng của Bộ Quốc phòng và chính quyền địa phương bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn có công trình quốc phòng và khu quân sự; khu vực biên giới thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý biên giới;

b) Quản lý chặt chẽ người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đi lại, cư trú, lưu trú và hoạt động trên địa bàn có công trình quốc phòng

và khu quân sự theo quy định tại Luật này và pháp luật có liên quan;

c) Phối hợp với lực lượng trực tiếp quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trong công tác phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh với các hoạt động xâm phạm các quy định về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

2. Quyền hạn.

a) Áp dụng biện pháp bảo vệ cần thiết để bảo đảm an ninh, an toàn cho người và công trình trong quá trình phối hợp tham gia bảo vệ công trình quốc phòng, khu quân sự;

b) Được sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ trong phối hợp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, an toàn công trình quốc phòng và khu quân sự theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ;

c) Được sử dụng các biện pháp bảo vệ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng thuộc cơ quan, tổ chức, địa phương được giao bảo vệ công trình quốc phòng

1. Nhiệm vụ.

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, phương án bảo vệ an ninh, an toàn công trình quốc phòng;

b) Tuần tra, canh gác, kiểm tra, kiểm soát người, phương tiện ra vào phạm vi bảo vệ công trình quốc phòng;

c) Phối hợp với lực lượng quân đội, công an và các lực lượng khác trên địa bàn thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, an toàn công trình quốc phòng.

2. Quyền hạn.

a) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến công tác bảo vệ; phối hợp, hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ bảo vệ công trình quốc phòng khi cần thiết;

b) Được sử dụng công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, an toàn công trình quốc phòng theo quy định của Luật này và Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

c) Ngăn chặn người, tạm giữ đồ vật mang theo, phương tiện ra, vào khu vực cấm, khu vực bảo vệ khi có căn cứ cho rằng người, đồ vật, phương tiện đó có nguy cơ gây nguy hại đến sự an toàn của công trình quốc phòng;

d) Áp dụng các biện pháp bảo vệ cần thiết khác để bảo đảm an ninh, an toàn cho người, công trình quốc phòng.

Chương IV**QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC, HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN VÀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH, KINH PHÍ ĐẢM BẢO TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ, BẢO VỆ CÔNG TRÌNH QUỐC PHÒNG VÀ KHU QUÂN SỰ**

Điều 23. Quyền, nghĩa vụ của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự

1. Quyền của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

a) Được sản xuất, kinh doanh, cư trú, lao động, thực hiện các dự án đầu tư, khai thác, xây dựng và các hoạt động khác theo quy định của Luật này và pháp luật khác có liên quan;

b) Được tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự;

c) Được bồi thường, hỗ trợ do yêu cầu quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự khi phải ngừng sản xuất, kinh doanh, thực hiện các dự án đầu tư, khai thác, xây dựng và các hoạt động khác hợp pháp theo quy định của pháp luật có liên quan;

Trường hợp phải chuyển đổi mục đích sử dụng, phá dỡ, di dời các công trình xây dựng, vật kiến trúc dân sự sở hữu hợp pháp thực hiện theo quy định tại Điều 18 Luật này;

d) Được hưởng các chế độ, chính sách hỗ trợ do bị hạn chế hoặc bị ảnh hưởng bởi yêu cầu bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự;

đ) Được hưởng thù lao khi cơ quan có thẩm quyền huy động tham gia vào công tác bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

a) Tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự;

b) Khi phát hiện các biểu hiện, hành vi vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự báo ngay cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan chức năng có thẩm quyền để kịp thời xử lý;

c) Thực hiện yêu cầu và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền trong quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; giúp đỡ và tạo điều kiện cho cơ quan, tổ chức và người có trách nhiệm bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

Điều 24. Chế độ, chính sách đối với lực lượng thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự

1. Lực lượng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự được hưởng chính sách và những ưu đãi khác theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân phối hợp hoặc được huy động tham gia hoạt động quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự có thành tích thì được khen thưởng; bị thiệt hại về tài sản thì được bồi thường; bị thương tích, tổn hại về sức khoẻ hoặc bị thiệt hại về tính mạng thì bản thân và gia đình được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 25. Chế độ, chính sách đối với địa phương, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân

1. Địa phương cấp thôn, xã trong phạm vi bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự Nhóm đặc biệt được thụ hưởng các chính sách của nhà nước nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân:

a) Ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu thông qua các chương trình, dự án bằng ngân sách nhà nước như đối với các xã đặc biệt khó khăn;

b) Đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ cơ sở và tạo nguồn, phát triển cán bộ tại chỗ.

2. Các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sản xuất, kinh doanh, thường trú trong phạm vi bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự Nhóm đặc biệt được hưởng các chính sách an sinh xã hội, chính sách hỗ trợ về giáo dục; y tế; lao động, việc làm; sản xuất, kinh doanh.

3. Các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân bị tác động, ảnh hưởng do yêu cầu quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự Nhóm I, II, III được hưởng các chính sách hỗ trợ tương ứng theo quy định của Chính phủ.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 26. Kinh phí bảo đảm cho hoạt động quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự

Ngân sách nhà nước bảo đảm cho hoạt động quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự được bố trí trong dự toán chi ngân sách hằng năm của các bộ, ngành, địa phương theo quy định của pháp luật ngân sách nhà nước, pháp luật đầu tư công và pháp luật có liên quan.

Chương V**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG QUẢN LÝ, BẢO VỆ
CÔNG TRÌNH QUỐC PHÒNG VÀ KHU QUÂN SỰ****Điều 27. Nội dung quản lý nhà nước về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự**

1. Ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

2. Lập kế hoạch, phương án, tổ chức phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong quản lý, bảo vệ; tổ chức nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ phục vụ công tác quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

3. Quy định chế độ, chính sách đối với lực lượng thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

4. Quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

5. Thanh tra, kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc chấp hành pháp luật và xử lý vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

6. Sơ kết, tổng kết công tác quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

7. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 28. Trách nhiệm của Chính phủ

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

2. Ban hành, trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

3. Chỉ đạo xây dựng, phê duyệt các quy hoạch; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn với xây dựng, quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

4. Chỉ đạo, xét duyệt bảo đảm ngân sách, cơ sở vật chất, kỹ thuật cho nhiệm vụ quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

5. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật của Nhà nước về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

6. Kiểm tra, thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo, sơ kết, tổng kết, khen thưởng, xử lý vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

Điều 29. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự và có trách nhiệm sau đây:

1. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và chỉ đạo thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

2. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, chính quyền địa phương tổ chức thực hiện quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

4. Chủ trì thực hiện và hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện sơ kết, tổng kết thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

5. Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục loại, nhóm công trình quốc phòng, khu quân sự và quy chế quản lý, bảo vệ đối với công trình quốc phòng, khu quân sự thuộc Nhóm đặc biệt.

6. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng trong quản lý công trình quốc phòng và khu quân sự; quy định thành phần, lực lượng quản lý công trình quốc phòng và khu quân sự thuộc thẩm quyền quản lý; quy chế quản lý, bảo vệ đối với công trình quốc phòng, khu quân sự từ Nhóm I trở xuống.

7. Kiểm tra, thanh tra, xử lý các vi phạm về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự theo thẩm quyền.

Điều 30. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Phối hợp với Bộ Quốc phòng xây dựng, triển khai các kế hoạch đề phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn các hoạt động thu thập thông tin trái phép, phá hoại công trình quốc phòng, khu quân sự.

2. Chỉ đạo đơn vị chức năng thuộc quyền và công an các địa phương:

a) Nắm vững tình hình an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội khu vực vành đai an toàn công trình quốc phòng, khu quân sự; phối hợp chặt chẽ với các

đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn và chính quyền địa phương bảo vệ an toàn công trình quốc phòng, khu quân sự và xây dựng địa bàn an toàn;

b) Quản lý chặt chẽ người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đi lại, lưu trú, cư trú trong vành đai an toàn công trình quốc phòng, khu quân sự theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

3. Tổ chức lực lượng quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng được giao theo quy định của pháp luật.

4. Chủ trì hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước liên quan đến công trình quốc phòng, khu quân sự đối với các tổ chức, cá nhân không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

5. Xử lý các vi phạm về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương

1. Gắn kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ công tác thuộc ngành, lĩnh vực bộ, ngành mình phụ trách với việc quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; phối hợp với Bộ Quốc phòng trong thực hiện quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

2. Tuyên truyền, giáo dục cán bộ, công chức, viên chức chấp hành quy định của pháp luật về bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

3. Tổ chức quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng được giao theo quy định của pháp luật.

4. Xử lý các vi phạm về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự theo thẩm quyền.

Điều 32. Trách nhiệm của hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các cấp

1. Hội đồng nhân dân các cấp.

a) Quyết định chủ trương, biện pháp bảo đảm cho hoạt động quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự được giao theo quy định của pháp luật;

b) Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật và thực hiện nghị quyết của hội đồng nhân dân về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự được giao theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự được giao theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân các cấp.

a) Trình chủ trương, biện pháp bảo đảm cho hoạt động quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự được giao theo quy định của pháp luật;

b) Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự thuộc phạm vi được giao theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan; gắn kết các quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương với việc quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trên địa bàn; phối hợp với các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân đóng quân trên địa bàn thống nhất kế hoạch quản lý, bảo vệ và tổ chức thực hiện;

c) Phối hợp với các đơn vị quản lý, bảo vệ của Bộ Quốc phòng lập bản đồ địa chính, xác định phạm vi bảo vệ, cắm mốc giới tại thực địa các công trình quốc phòng và khu quân sự trên địa bàn và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thẩm quyền;

d) Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, các tổ chức xã hội khác tại địa phương tuyên truyền, giáo dục Nhân dân nghiêm chỉnh chấp hành các quy định về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự;

đ) Xử lý các vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự theo thẩm quyền.

Điều 33. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện pháp luật về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giám sát thực hiện pháp luật về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2024.

Pháp lệnh Bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự ngày 19 tháng 5 năm 1994 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

Điều 35. Điều khoản thi hành

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Quốc phòng tổ chức thực hiện và quy định chi tiết thi hành các điều, khoản được giao trong Luật./.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2024.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI